

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TH CONSTRUCTION AND INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110816030

3. Ngày thành lập: 16/08/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số NV2-18 Khu tái định cư CT3, Đường Đức Giang, Tổ 20, Phường Thượng Thanh,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904000983

Fax:

Email: Hienle.eici@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
2.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
3.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
4.	Đúc kim loại màu	2432
5.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
6.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
7.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
8.	Đúc sắt, thép	2431
9.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
10.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
11.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
12.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
13.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu	2599
14.	Xây dựng nhà để ở	4101
15.	Xây dựng nhà không để ở	4102
16.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
17.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
18.	Xây dựng công trình điện	4221(Chính)
19.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
20.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
21.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
22.	Xây dựng công trình thủy	4291

23.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
24.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
25.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
26.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
27.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
28.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
29.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
30.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
31.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
32.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
33.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
34.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4932
35.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
36.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
37.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
38.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
39.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
40.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
41.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
42.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
43.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
44.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
45.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
46.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
47.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
48.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
49.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
50.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
51.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
52.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818

53.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
54.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
55.	Sản xuất máy luyện kim	2823
56.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
57.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
58.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
59.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
60.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
61.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
62.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
63.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
64.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
65.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
66.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
67.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
68.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
70.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
71.	Trồng cây mía	0114
72.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
73.	Trồng lúa	0111
74.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
75.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
76.	Trồng cây lấy sợi	0116
77.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
78.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
79.	Trồng cây hàng năm khác	0119
80.	Trồng cây ăn quả	0121
81.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
82.	Trồng cây lâu năm khác	0129
83.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
84.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
85.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142

86.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
87.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
88.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
89.	Chăn nuôi gia cầm	0146
90.	Chăn nuôi khác	0149
91.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
92.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
93.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
94.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
95.	Sản xuất điện	3511
96.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Phân phối và bán lẻ điện	3512
97.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
98.	Bán buôn thực phẩm	4632
99.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
100.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
101.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
102.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
103.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
104.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
105.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
106.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820

6. Vốn điều lệ: 25.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM VĂN NGỰ	Số NV2-18 Khu tái định cư CT3, Đường Đức Giang, Tổ 20, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000.0 00	10.000.000.000	40,000	0270720001 33	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.000.0 00	10.000.000.000	40,000		
2	PHẠM THỊ TRANG	Thôn Đan Tảo, Xã Tân Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	10,000	0271820004 73	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	10,000		

3	LÊ THỊ THU HIỀN	Số NV2-18 Khu tái định cư CT3, Đường Đức Giang, Tổ 20, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.250.0 00	12.500.000.000	50,000	0011830037 88
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.250.0 00	12.500.000.000	50,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: LÊ THI THU HIỀN

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 09/09/1983

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001183003788

Ngày cấp: 17/03/2023

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 17, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: Số NV2-18 Khu tái định cư CT3, Đường Đức Giang, Tổ 20, Phường
Thương Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội